

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 17/Interbos/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần Thực Phẩm và Đồ Uống Quốc Tế

Địa chỉ: Cụm công nghiệp sạch, xã Tân Tiến, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 023213727552

Fax: 023213727558

Mã số doanh nghiệp: 0900276586 – Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 06/01/2023 do sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Hưng Yên cấp

Sổ Giấy chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm TCVN ISO 22000:2018/ISO 22000:2018 cấp bởi trung tâm chứng nhận phù hợp – QUACERT – Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bữa phụ dinh dưỡng – Cháo sữa yến mạch Höff.

2. Thành phần: Sữa (91,1%) (nước, sữa bột, kem sữa), đường, chất ổn định (1422, 407, 410), tinh bột gạo (12 g/kg), canxi photphat, hương liệu tổng hợp và giống tự nhiên dùng cho thực phẩm, bột yến mạch (2 g/kg), chất xơ, chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).

- Sản phẩm có chứa sữa, yến mạch.

- Thực phẩm bổ sung.

* **Thông tin dinh dưỡng:** theo nhãn đính kèm.

- Hàm lượng các chất không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn và không vượt quá ngưỡng dung nạp tối đa theo thông tư số 43/2014/TT-BYT.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 08 tháng kể từ ngày sản xuất.

- NSX & HSD: in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1 Quy cách đóng gói:

+ Khối lượng tịnh: 55 g – đối với đóng gói một hộp

+ Khối lượng tịnh: 220 g (4 hộp x 55 g) – Đối với đóng gói một vỉ

(sai số định lượng phù hợp quy định Thông tư số 21/2014/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ).



4.2 Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng gói trong bao bì nhựa PE/EVOH/PS đảm bảo đạt yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo QCVN số 12-1:2011/BYT.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất bởi: Công ty Cổ phần thực phẩm và đồ uống Quốc tế

Địa chỉ: Cụm công nghiệp sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn và màng nắp sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

QCVN số 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

- QCVN số 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

QCVN số 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

- Thông tư số 50/2016/TT-BYT: Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm

- Thông tư số 24/2013/TT-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm

- TCCS số 16:2025/ITB – Tiêu chuẩn cơ sở Bữa phụ dinh dưỡng – Cháo sữa yến mạch Höff.

- Và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 04 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CÁ NHÂN



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thu Mai

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ SẢN PHẨM BỮA PHỤ DINH DƯỠNG – CHÁO SỮA YÊN MẠCH HÖFF

1. Thông tin chung tiêu chuẩn cơ sở

- Tên sản phẩm: Bữa phụ dinh dưỡng – Cháo sữa yến mạch Höff.
- Mã hiệu tiêu chuẩn: TCCS 16:2025/ITB

2. Các chỉ tiêu cảm quan: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu	Phương pháp kiểm tra
1	Trạng thái	Dạng sệt, đồng nhất	Quan sát
2	Màu sắc	Màu trắng sữa	
3	Mùi	Hương đặc trưng của sản phẩm	Ngửi
4	Vị	Vị bùi ngậy của gạo chín và sữa, không có vị lạ	Nếm
5	Tạp chất lạ nhìn thấy bằng mắt thường	Không có	Quan sát

3. Các chỉ tiêu hóa lý: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức công bố
1	pH	6,0 – 6,9

4. Các chỉ tiêu dinh dưỡng: phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau

STT	Tên chỉ tiêu	Giá trị dinh dưỡng trung bình(*)
1	Năng lượng, Kcal/hộp	48
2	Chất béo, g/hộp	1,3
3	Carbohydrat, g/hộp	7,3
4	Đường tổng số, g/hộp	5,3
5	Chất đạm, g/hộp	1,7
6	Natri, mg/hộp	24
7	Canxi, mg/hộp	120

(*) Hàm lượng các chất không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn



5. **Chỉ tiêu kim loại nặng:** phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa mg/kg
1	Chì (Pb)	0,02
2	Cadmi (Cd)	1,0
3	Arsen (As)	0,5
4	Thủy ngân (Hg)	0,05

6. **Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa $\mu\text{g}/\text{kg}$
1	Aflatoxin M1	0,5

7. **Các chỉ tiêu vi sinh vật:** phải thỏa mãn các yêu cầu quy định tại bảng sau:

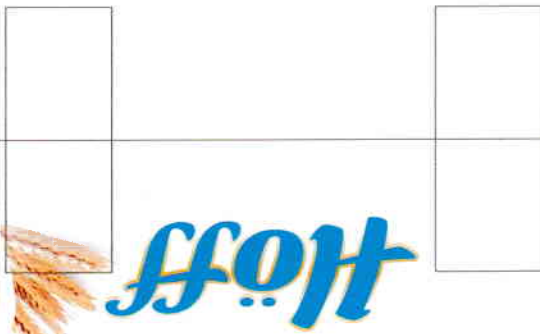
STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa CFU/g
1	Salmonella	KPH
2	Enterobacteriaceae	1

8. **Chỉ tiêu Melamin:** phải thỏa mãn yêu cầu quy định tại bảng sau:

STT	Tên chỉ tiêu	Mức tối đa mg/kg
1	Melamin	2,5

9. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y:** phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT và 24/2013/TT-BYT.





Yến Mạch
CHÁO SỮA
OAT MILK PORRIDGE

Interbos
Since 2007

Interbos
Since 2007

BỮA PHỤ
DINH DƯỠNG

Höff

OAT MILK PORRIDGE
CHÁO SỮA
Yến Mạch

Nền tảng sức khỏe mai sau



8 936076 550793

Interbos
Since 2007

Höff

OAT MILK PORRIDGE
CHÁO SỮA
Yến Mạch



Interbos
Since 2007

THÔNG TIN DINH DƯỠNG / NUTRITION FACTS

Thông tin dinh dưỡng / hóp (55 g) * / Amount per serving (55 g) *	%RDI**
Năng lượng / Energy	44 kcal
Chất béo / Fat	1.3 g
Carbohydrate / Carbohydrate	7.3 g
Chất béo bão hòa / Saturated Fat	0.3 g
Chất đạm / Protein	1.2 g
Sắt / Iron	0.4 mg
Canxi / Calcium	1.20 mg

* Theo quy định của Bộ Y tế Việt Nam. ** Theo quy định của Bộ Y tế Việt Nam.

SẢN XUẤT BỞI: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ
Địa chỉ: Lâm Chí Cảnh, xã Tân Phú, Huyện Vạn Giang, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
MADE BY: INTERNATIONAL FOOD AND BEVERAGE JSC
Add: Lam Chi Canh Zone, Tan Phu Commune, Van Giang District, Hung Yen Province, Vietnam
Số điện thoại: 1900 399983. Fax: 2025 178. Xuất xứ: Việt Nam. Made in Vietnam.
Hotline: 1900 399983. Website: www.hoeff.vn

Khối lượng tịnh: 330 g (6 hóp x 55 g)

Höff

OAT MILK PORRIDGE
CHÁO SỮA
Yến Mạch

THỰC PHẨM BỔ SUNG

Thành phần: Sữa (91,1%) (nước, sữa bột, kem sữa), đường, chất ổn định (1422, 407, 410), tinh bột gạo (12 g/kg), canxi phosphate, hương liệu tổng hợp và giáng tụ nhiên liệu cho thực phẩm: Bột yến mạch (2 g/kg), chất xơ, chất điều chỉnh độ acid (500/01). Sản phẩm có chứa sữa, yến mạch.
Ingredients: Milk (91.1%) (water, milk powder (cream), sugar, stabilizers (1422, 407, 410), rice starch (12 g/kg), calcium phosphate, synthetic and nature identical flavor, oat powder (2 g/kg), dietary fibers, acidity regulator (500/01). Contains: Milk, oat.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN VÀ SỬ DỤNG:

- Bảo quản: Nhiệt độ 4°C - 10°C. Срок хранения: 180 ngày.
- NCV, HSD: xem trên nắp sản phẩm. PNO, DXP: xem trên thân hộp.
- Sản phẩm sử dụng 1 lần/ Product to be used once/ single serving.
- Sử dụng từ 9-12 hóp mỗi ngày. Dùng 1-2 muỗng per hóp.
- Đối tượng sử dụng: Trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên.



195mm



130mm

65mm

65mm



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

 Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
 Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22505280391-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00091763

Tên mẫu :	Bữa phụ dinh dưỡng - Cháo sữa yến mạch Höff
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	28/05/2025
Thời gian thử nghiệm :	28/05/2025 - 05/06/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 04/06/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD129 VD (m) Carbohydrat tổng	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	13.3
2	VD165 VD (a) Béo	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3498	2.19
3	VD262 VD (a) Protein	g/ 100 g	TCVN 8099-1:2015 (ISO 8968-1:2014)	3.27
4	VD543 VD (m) Năng lượng tổng (tính theo Carbohydrat tổng, chất đạm, chất béo)	kcal/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77	86
5	VD210 VD (a) Độ ẩm	%	EVN-R-RD-2-TP-3496	80.3
6	VD241 VD (a) pH		EVN-R-RD-2-TP-5846 (Ref. AOAC 943.02)	6.11
7	VD297 VD (a) Tro tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3497	0.96
8	VD126 VD (a) Canxi (Ca)	mg/ 100 g	TCVN 6269:2008 (ISO 8070:2007)	190
9	VD279 VD (a) Natri (Na)	mg/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	439
10	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	9.87

Ký tên



 Trần Thị Mỹ Dung
 Giám đốc mảng Kiểm nghiệm Thực phẩm và Thức ăn Chăn nuôi
 Chi nhánh Miền Bắc

 Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 09/06/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/06/2025.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacs Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sacs-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacs Ký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacs Ký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.





AR-25-VD-096891-01-VI / EUVNHC-00341852 - 02- Trang : 1 / 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22505280391-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00091763

Tên mẫu : Bữa phụ dinh dưỡng - Cháo sữa yến mạch Höff
 Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
 Ngày nhận mẫu : 28/05/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 04/06/2025
 Thời gian thử nghiệm : 28/05/2025 - 05/06/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD855 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VD861 VD (a) Chì (Pb)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
3	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD857 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.007)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc mảng Kiểm nghiệm Thực phẩm và Thức ăn Chăn nuôi
Chi nhánh Miền Bắc



Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 09/06/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/06/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sacký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sacký Hải Đăng.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



AR-25-VD-096891-01-VI / EUVNHC-00341852 - 03- Trang : 1 / 2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

Cụm Công nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22505280391-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00091763

Tên mẫu :

Bữa phụ dinh dưỡng - Cháo sữa yến mạch Höff

Tình trạng mẫu :

Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu :

28/05/2025

Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 04/06/2025

Thời gian thử nghiệm :

28/05/2025 - 05/06/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/ kg	EVN-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827)	Không phát hiện (LOD=0.5)
2	VD066 VD (a) Zearalenon	µg/ kg	EVN-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)	Không phát hiện (LOD=5)
3	VD640 VD (a) Aflatoxin M1	µg/ kg	EVN-RD-1-TP-5628 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.01)
4	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ kg	EVN-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
5	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ kg	EVN-RD-1-TP-5060 (Tham khảo DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
6	VD1LA VD (a) Deoxynivalenol	µg/ kg	EVN-RD-1-TP-5626 (Tham khảo EN 15791:2009)	Không phát hiện (LOD=100)
7	VDTH9 VD HT-2	µg/ kg	BS EN 17280:2019	Không phát hiện (LOD=3)
8	VDTH9 VD T-2	µg/ kg	BS EN 17280:2019	Không phát hiện (LOD=3)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc mảng Kiểm nghiệm Thực phẩm và Thức ăn Chăn nuôi
Chi nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 09/06/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/06/2025.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG và khách hàng, và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AC/AC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố nằm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins SẮC KÝ HẢI ĐĂNG.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.





AR-25-VD-096891-01-VI / EUVNHC-00341852 - 04- Trang : 1 / 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22505280391-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00091763

Tên mẫu : Bữa phụ dinh dưỡng - Cháo sữa yến mạch Höff
 Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
 Ngày nhận mẫu : 28/05/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 04/06/2025
 Thời gian thử nghiệm : 28/05/2025 - 05/06/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD020 VD (a) Melamine	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5633 (GC-MS)	Không phát hiện (LOD=0.05)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc mảng Kiểm nghiệm Thực phẩm và Thức ăn Chăn nuôi
Chi nhánh Miền Bắc

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 09/06/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/06/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
 Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kiem-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
 Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.
 Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
 Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sac Ky Hai Dang.
 (a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22505280391-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00091763

Tên mẫu : Bữa phụ dinh dưỡng - Cháo sữa yến mạch Höff
 Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
 Ngày nhận mẫu : 28/05/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 04/06/2025
 Thời gian thử nghiệm : 28/05/2025 - 05/06/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD346 VD (a) <i>Enterobacteriaceae</i>	cfu/ g	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD353 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd. 1:2020	Không phát hiện
4	VD389 VD (a) <i>Listeria monocytogenes</i>	cfu/ g	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD580 VD (a) <i>Staphylococci có phản ứng dương tính coagulase</i>	cfu/ g	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	Không phát hiện (LOD=10)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc mảng Kiểm nghiệm Thực phẩm và Thức ăn Chăn nuôi
Chi nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 09/06/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/06/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
 Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
 Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.
 Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng xây dựng.
 Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
 Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sac Kỳ Hải Đăng.
 (a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (m): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VLAT-1.1500.



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM & ĐỒ UỐNG QUỐC TẾ

Cụm Công Nghiệp Sạch, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang
Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Mã số PO của khách hàng : NGM22505280391-HN-KA

Mã số mẫu : 743-2025-00091764

Tên mẫu : Bữa phụ dinh dưỡng - Cháo sữa yến mạch Höff
 Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
 Ngày nhận mẫu : 28/05/2025 Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 02/06/2025
 Thời gian thử nghiệm : 29/05/2025 - 02/06/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD2FE VD (a) Spiramycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=5)
2	VD2F3 VD (a) Thiabendazole	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=2)
3	VD2F9 VD (a) Albendazole	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=0.3)
4	VD2G5 VD (a) Tylosin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=5)
5	VD1KQ VD Sulfadimidine	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
6	VD1KR VD (a) Febantel / Fenbendazole / Oxfendazole	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
7	VD1KS VD Ivermectine	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
8	VD1KL VD (a) Ceftiofur	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
9	VD1KM VD (a) Isometamidium	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
10	VD1KN VD Colistine (Tổng A,B)	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=10)
11	VD1KH VD Spectinomycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
12	VD1K9 VD (a) Monensin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=0.3)
13	VD1KB VD Doramectin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
14	VD1KC VD (a) Clenbuterol	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=0.01)
15	VD1KI VD (a) Imidocarb	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=10)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00091764

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD1KK VD (a) Dexamethasone	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=0.1)
17	VD1KG VD (a) Pirlimycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
18	VD1KE VD Diminazene	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
19	VD1KF VD (a) Lincomycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
20	VD6WX VD (a) Amoxicilline	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11844 (Ref. MaxSignal Amoxicillin ELISA Kit, Food-1114-01)	Không phát hiện (LOD=2)
21	VD6WY VD (a) Neomycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11545 (2020) (Ref. EuroProxima Neomycin Art. No.: 5111NEO)	Không phát hiện (LOD=10)
22	VDN9M VD (a) Glufosinate- Ammonium	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5204 (Tham khảo QuPPE-Method: AppNote 9/2013, GERSTEL)	Không phát hiện (LOD=0.01)
23	VD3KC VD (a) Cycloxydim bao gồm các sản phẩm phân hủy và phản ứng xác định dạng: Axít 3-(3-thianyl) glutaric S-dioxide (BH 517-TGSO2), Axít 3-hydroxy-3-(3-thianyl) glutaric S-dioxide (BH 517-5-OH-TGSO2) hoặc các methyl este, được tính toán dưới dạng cycloxydim	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
24	VD3HC VD (a) Thiabendazole	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
25	VD42T VD (a) Abamectin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
26	VD3U4 VD (a) Acetamidrid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
27	VD41P VD (a) Aldrin and Dieldrin (Aldrin and dieldrin combined expressed as dieldrin), aka dieldrin (sum)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
28	VD3P4 VD (a) Azoxystrobin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
29	VD38J VD (a) Benzylpenicillin / Procaine benzylpenicillin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=2)
30	VD3IG VD (a) Bifenazate (tổng của bifenazate cộng bifenazate-diazene quy về bifenazate)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
31	VD40K VD (a) Bifenthrin (Tổng của các đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00091764

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
32	VD3I3 VD (a) Boscalid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
33	VD3NN VD (a) Buprofezin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
34	VD3VJ VD (a) Chlordane (Tổng của đồng phân Cis- và Trans-)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
35	VD3AJ VD (a) Chlormequat (Tổng Chlormequat và các dạng muối, quy về chlormequat-chloride)	mg/ kg	QuPpe-AO-Method (Version 3.2); QuPpe-PO-Method (Version 12.2)	Không phát hiện (LOD=0.003)
36	VD3BQ VD (a) Chlorothalonil	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
37	VD3X5 VD (a) Chlorpyrifos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
38	VD3W5 VD (a) Chlorpyrifos-methyl	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
39	VD38I VD (a) Chlortetracycline/Oxytetracycline/Tetracycline	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4847	Không phát hiện (LOD=20)
40	VD2RK VD (a) Clofentezine	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
41	VD3TL VD (a) Cyflumetofen (Tổng của các đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
42	VD4A1 VD (a) Cyfluthrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
43	VD3BR VD (a) Cyhalothrin (bao gồm lambda-cyhalothrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
44	VD42S VD (a) Cypermethrins (Gồm alpha & zeta - Cypermethrin)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
45	VD42I VD (a) DDT (Tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p-p'-DDE và p,p'-TDE (DDD) quy về DDT)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
46	VD4CM VD (a) Deltamethrin	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
47	VD3W9 VD (a) Deltamethrin (cis-deltamethrin)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
48	VD3HT VD (a) Diazinon	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
49	VD3R0 VD (a) Dimethoate/Omethoate (Tổng)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
50	VD3LD VD (a) Dimethomorph (Tổng của các đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
51	VD4EU VD (a) Diphenylamine	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00091764

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
52	VD3AK VD (a) Diquat	mg/ kg	QuPPE-AO-Method (Version 3.2); QuPPE-PO-Method (Version 12.2)	Không phát hiện (LOD=0.003)
53	VD4FA VD (a) Disulfoton (sum of disulfoton, disulfoton sulfoxide and disulfoton sulfone expressed as disulfoton)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
54	VD1QG VD (a) Dithiocarbamates (dithiocarbamates quy về CS ₂ , bao gồm maneb, mancozeb, metiram, propineb, thiram và ziram)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5206 & 5213 (Tham khảo TCVN 8169-2:2009; EURL SRM Dithiocarbamate)	Không phát hiện (LOD=0.01)
55	VD3WH VD (a) Endosulfan (Tổng của đồng phần alpha và beta và endosulfan-sulphate quy về endosulfan)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
56	VD33L VD (a) Eprinomectin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
57	VD3J7 VD (a) Ethoprophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
58	VD3UA VD (a) Fenamidone	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
59	VD3EE VD Fenbutatin oxid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
60	VD3TU VD (a) Fenhexamid	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
61	VD3WN VD (a) Fenpropathrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
62	VD2SQ VD (a) Fenpyroximate	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
63	VD3R3 VD (a) Fipronil (sum Fipronil and sulfone metabolite (MB46136) expressed as Fipronil)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.001)
64	VD3M2 VD (a) Fludioxonil	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
65	VD3RB VD (a) Flumethrin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
66	VD3T4 VD (a) Fluopyram	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
67	VD37H VD Gentamicin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=15)
68	VD42H VD (a) Heptachlor (sum of heptachlor and heptachlor epoxide) expressed as heptachlor)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
69	VD3M4 VD (a) Hexythiazox	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00091764

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
70	VD40V VD (a) Lindane (đồng phân Gamma của hexachlorocyclohexane (HCH))	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
71	VD3JI VD (a) Methamidophos	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
72	VD2TF VD (a) Methoxyfenozide	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
73	VD3VQ VD (a) Metrafenone	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
74	VD3JN VD (a) Myclobutanil (Tổng của các đồng phân cấu tạo)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
75	VD3HW VD (a) Novaluron	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
76	VD3JR VD (a) Penconazole (Tổng các dạng đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
77	VD3HY VD (a) Penthiopyrad	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
78	VD4ES VD (a) Permethrin (Tổng kết quả của các dạng đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
79	VD2SY VD (a) Piperonyl butoxide	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
80	VD2RC VD (a) Propargite	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)
81	VD3HZ VD (a) Pyraclostrobin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
82	VD3NY VD (a) Quinoxifen	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
83	VD2SK VD Spinozad	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
84	VD4EA VD (a) Spirodiclofen	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
85	VD37G VD Streptomycin / Dihydrostreptomycin	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11852 (Tham khảo Waters application note-720005887 EN; CLG MRM 1.08)	Không phát hiện (LOD=20)
86	VD3SE VD (a) Sulfoxaflor (Tổng của các đồng phân)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
87	VD2QT VD (a) Tebufenozide	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.005)
88	VD4V6 VD (a) Triadimefon	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)
89	VD3ZS VD Triadimenol/Triadimefon (sum)	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.01)



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00091764

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
90	VD3DC VD (a) Trichlorfon	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4848 & 16205 (Tham khảo EN 15662:2018)	Không phát hiện (LOD=0.003)
91	VD3GM VD (a) Trifloxystrobin	mg/ kg	EN 15662:2018	Không phát hiện (LOD=0.003)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên

Trần Thị Mỹ Dung
Giám đốc mảng Kiểm nghiệm Thực phẩm và Thức ăn Chăn nuôi
Chi nhánh Miền Bắc



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 09/06/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/06/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sac Ky Hai Dang xây dựng.

Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sac Ky Hai Dang.

(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

